



Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ

Số chuyên đề: Nông nghiệp

website: sj.ctu.edu.vn



DOI:10.22144/ctu.jsi.2018.081

ĐA DẠNG THỰC VẬT LỚP NGỌC LAN (*Magnoliopsida*) Ở KHU DI TÍCH XÈO QUÝT, HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Phạm Thị Thanh Mai*

Khoa Sư phạm Lý - Hóa - Sinh, Trường Đại học Đồng Tháp

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Phạm Thị Thanh Mai (email: pttmai@dthu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 21/05/2018

Ngày nhận bài sửa: 02/07/2018

Ngày duyệt đăng: 03/08/2018

Title:

Diversity of Magnoliopsida plants at Xeo Quyt Relic in Cao Lanh District, Dong Thap Province

Từ khóa:

Đa dạng, Khu di tích Xèo Quýt, lớp Ngọc lan, thực vật

Keywords:

Diversity, Magnoliopsida, plant, Xeo Quyt Relic

ABSTRACT

The study is to discover species of Magnoliopsida plants at Xeo Quyt Relic in Cao Lanh District, Dong Thap Province through field trips and sample collecting from 40 standard frames of its 10 typical ecosystems. Those species then were classified and arranged into categories and classification systems. The species identified were also analyzed and evaluated on diversity in species composition and tree types. The results revealed that 264 species explored of the Magnoliopsida class belong to 176 genera, 65 families, 37 orders and 7 subclasses. Among these, Rosidae is the most diversified and dominant subclass with 69 species, and Fabaceae consists of 24 species. The flora has 5 main types of trees including woody plants, herbs, shrubs, vines and parasitic plants; of which herbaceous plants dominate with 122 species. In terms of usable values the explored species were categorized into 10 main groups; of which 105 species are of ornamental and 94 species of medicinal plants. In this Relic site, *Elaeocarpus hygrophilus* Kurz, *Callophyllum inophyllum* L. are 2 endangered species and 6 invasive alien species include *Mimosa pigra* L., *Mimosa diplotricha* C. Wright ex Sauvalle, *Lantana camara* L., *Chromolaena odorata* (L.) R. King et H. Robins, *Ageratum conyzoides* L., *Wedelia trilobata* (L.) Hitch. From the study results, 160 Magnoliopsida plant species were added to the list of plant species in Xeo Quyt Relic.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định thành phần loài thực vật lớp Ngọc lan (*Magnoliopsida*) ở Khu di tích Xèo Quýt, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp qua các chuyến đi thực địa và thu mẫu tại 40 ô tiêu chuẩn trên 10 sinh cảnh điển hình; định loại và sắp xếp chúng vào hệ thống phân loại; phân tích, đánh giá sự đa dạng về thành phần loài và dạng thân các loài thực vật. Kết quả nghiên cứu ghi nhận được 264 loài thực vật lớp Ngọc lan (*Magnoliopsida*) thuộc 176 chi, 65 họ, 37 bộ và 7 phân lớp. Trong đó, phân lớp Hoa hồng (*Rosidae*) là đa dạng nhất và chiếm ưu thế nhất với 69 loài, họ Đậu (*Fabaceae*) có 24 loài. Hệ thực vật nơi đây có 5 dạng thân chính: Cây thân gỗ, cây thân thảo, cây thân bụi, dây leo và cây ký sinh, trong đó, dạng cây thân thảo chiếm ưu thế với 122 loài. Giá trị sử dụng của thực vật được chia làm 10 nhóm chính, trong đó có 105 loài cây làm cảnh và 94 loài cây làm thuốc. Khu di tích có 2 loài thực vật có nguy cơ tuyệt chủng là Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz) cấp VU - Sẽ nguy cấp, Mù u (*Callophyllum inophyllum* L.) cấp LR - Ít nguy cấp và có 6 loài thực vật ngoại lai xâm hại là Mai dương (*Mimosa pigra* L.), Trinh nữ móc (*Mimosa diplotricha* C. Wright ex Sauvalle), Trâm ổi (*Lantana camara* L.), Cỏ lào (*Chromolaena odorata* (L.) R. King et H. Robins), Cỏ hôi (*Ageratum conyzoides* L.) và Cúc xuyên chi (*Wedelia trilobata* (L.) Hitch). Cũng trong nghiên cứu này, 160 loài thực vật lớp Ngọc lan (*Magnoliopsida*) được bổ sung vào Danh lục các loài thực vật Khu di tích Xèo Quýt.

Trích dẫn: Phạm Thị Thanh Mai, 2018. Đa dạng thực vật lớp Ngọc lan (*Magnoliopsida*) ở Khu di tích Xèo Quýt, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Nông nghiệp): 182-191.

1 GIỚI THIỆU

Khu di tích Xẻo Quýt thuộc hai xã Mỹ Long và Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, có tổng diện tích tự nhiên 43,17 ha, được công nhận là di tích lịch sử quốc gia vào năm 1992.

Ngoài chức năng phát huy giá trị lịch sử - một căn cứ địa cách mạng (từ năm 1960 - 1975) của cơ quan Tỉnh ủy Đồng Tháp, Khu di tích Xẻo Quýt còn có giá trị về văn hóa - là nơi gìn giữ và tái hiện các truyền thống văn hóa của người dân vùng Đồng Tháp Mười, đồng thời cũng mang giá trị về du lịch sinh thái, khoa học, nguồn tài nguyên thiên nhiên...

Khu di tích Xẻo Quýt là vùng đất thấp trũng, ngập nước sâu vào mùa mưa lũ, nhiễm phèn nặng vào mùa khô, có hệ sinh thái đất ngập nước nội địa đặc trưng với hệ rừng kín lá rộng thường xanh và là một trong các địa điểm quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái đất ngập nước của tỉnh Đồng Tháp.

Trong những năm qua, địa danh Xẻo Quýt đã lan tỏa khắp mọi miền đất nước với cảnh quan đất ngập nước đặc sắc và sự đi lại thuận tiện, nơi đây không những thu hút khách thập phương đến du lịch sinh thái, tham quan về nguồn... mà còn là địa chỉ được nhiều nhà khoa học đến học tập, nghiên cứu tôn tạo, bảo tồn và phát triển Khu di tích này.

Theo kết quả điều tra năm 1999 của Phân Viện Điều tra quy hoạch Rừng II, Khu di tích Xẻo Quýt có 170 loài thực vật, trong đó có 104 loài thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) nhưng nghiên cứu chưa thực hiện đánh giá sự đa dạng về các bậc taxon, giá trị sử dụng, nguồn gen quý hiếm, thực vật ngoại lai... ở Khu di tích này.

Những năm gần đây, những tác động của biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt đã ảnh hưởng đến hệ sinh thái đất ngập nước, làm thay đổi thành phần hệ thực vật nơi đây. Do đó, nghiên cứu “*Đa dạng thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở Khu di tích Xẻo Quýt, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp*” nhằm bổ sung danh lục thành phần loài, góp phần trong công tác khai thác bền vững, bảo tồn nguồn tài nguyên thực vật của địa phương, cũng như duy trì và cân bằng khí hậu vùng.

2 ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các loài thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở Khu di tích Xẻo Quýt, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2.1.1 Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Thu thập và kế thừa có chọn lọc các tài liệu, các công trình khoa học có liên quan đến vấn đề nghiên cứu để tổng hợp thông tin, vận dụng vào việc phân tích, biện luận các kết quả đạt được.

2.1.2 Phương pháp nghiên cứu ngoài thiên nhiên

Phương pháp điều tra thực địa và thu mẫu theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2008): Tiến hành 4 đợt khảo sát thực tế và thiết lập 40 ô tiêu chuẩn với kích thước 20 x 20 m một cách ngẫu nhiên trên các sinh cảnh đặc trưng tại Khu di tích Xẻo Quýt, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (trừ những khu vực không được phép tham quan, nghiên cứu do còn bom, mìn) để điều tra, ghi nhận số liệu, quan sát, mô tả, ghi chép về tên địa phương, đặc điểm của cây, chụp ảnh mẫu và thu mẫu.

Bảng 1: Số ô tiêu chuẩn khảo sát ở các sinh cảnh của Khu di tích Xẻo Quýt

STT Sinh cảnh	Số ô tiêu chuẩn
1 Rừng Tràm	6
2 Rừng trồng hỗn loài Tre, Gáo vàng	4
3 Rừng tự nhiên hỗn loài Tràm, Gáo vàng, Trâm bầu	4
4 Đồng Đưng	3
5 Đồng Lác hén	3
6 Đồng Sậy	2
7 Đồng cỏ Năng	5
8 Đồng Sen	3
9 Đê nhân tạo	7
10 Khu làm việc, dịch vụ, công viên	3
Tổng cộng	40

2.1.3 Phương pháp nghiên cứu phòng thí nghiệm

Xác định tên khoa học của các loài thực vật bằng phương pháp so sánh hình thái dựa vào các tài liệu chính như: *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 1, 2, 3, Phạm Hoàng Hộ (1999 - 2003); *Cây cỏ có ích ở Việt Nam*, tập 1, 2, Võ Văn Chi và Trần Hợp (2001 - 2002); *Từ điển thực vật thông dụng*, tập 1, 2, Võ Văn Chi (2003 - 2004); *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam*, Võ Văn Chi (2007).

Phương pháp xây dựng danh lục: Danh lục thành phần loài lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) được sắp xếp theo hệ thống phân loại của Takhtajan (2009). Các loài trong một họ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái.

Phương pháp đánh giá đa dạng về phân loại: Thống kê số loài, chi, họ, bộ, thuộc lớp Ngọc lan (Magnoliopsida), trên cơ sở dựa vào bảng danh lục

thực vật đã xây dựng, tính tỷ lệ % của các taxon để từ đó thấy được mức độ đa dạng của chúng.

Phương pháp đánh giá đa dạng về dạng thân: Hệ thực vật được chia thành 5 dạng thân chính: Cây thân gỗ, cây thân thảo hay cây thân cỏ, cây thân bụi, dây leo (gồm các dạng cây có thân leo, bò) và cây ký sinh. Từ số liệu thống kê các dạng thân chính trong bảng danh lục thực vật ở khu nghiên cứu, tính tỷ lệ % số loài thuộc mỗi dạng thân đó so với tổng số loài thực vật.

Phương pháp đánh giá đa dạng về giá trị sử dụng: Phân chia và xác định các nhóm cây theo giá trị sử dụng dựa vào kết quả điều tra thực tế và phỏng vấn nhanh người dân kết hợp tham khảo các tài liệu như: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Đỗ Tất Lợi (2004); Cây cỏ có ích ở Việt Nam, tập 1, 2, Võ Văn Chi và Trần Hợp (2001 - 2002); Từ điển thực vật thông dụng, tập 1, 2, Võ Văn Chi (2003 - 2004); Danh lục cây thuốc Việt Nam, Viện Dược Liệu (2016). Dựa vào số liệu thống kê công dụng của các loài xác định được trong bảng danh lục thực vật, tính

tỷ lệ % số loài thuộc các nhóm cây so với tổng số loài thực vật.

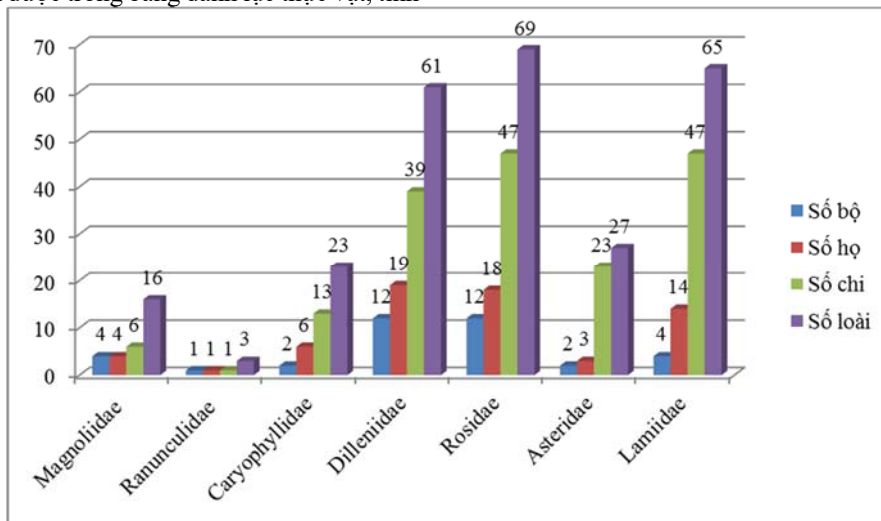
Phương pháp đánh giá nguồn gen quý hiếm: Dựa vào Sách đỏ Việt Nam (2007) và Sách đỏ Thế giới IUCN để xác định các loài thực vật có giá trị bảo tồn ở Khu di tích Xẻo Quýt.

Phương pháp đánh giá thực vật ngoại lai xâm hại: Dựa vào Danh mục các loài ngoại lai xâm hại của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2013) để thống kê và đánh giá mức độ xâm hại của các loài thực vật ngoại lai đối với hệ thực vật nơi đây.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đa dạng về phân loại

Nghiên cứu về đa dạng thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) tại Khu di tích Xẻo Quýt, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã xác định được 264 loài, 176 chi, 65 họ, 37 bộ thuộc 7 phân lớp, số liệu được trình bày ở Hình 1.



Hình 1: Tỷ lệ phân bố các taxon ở các phân lớp

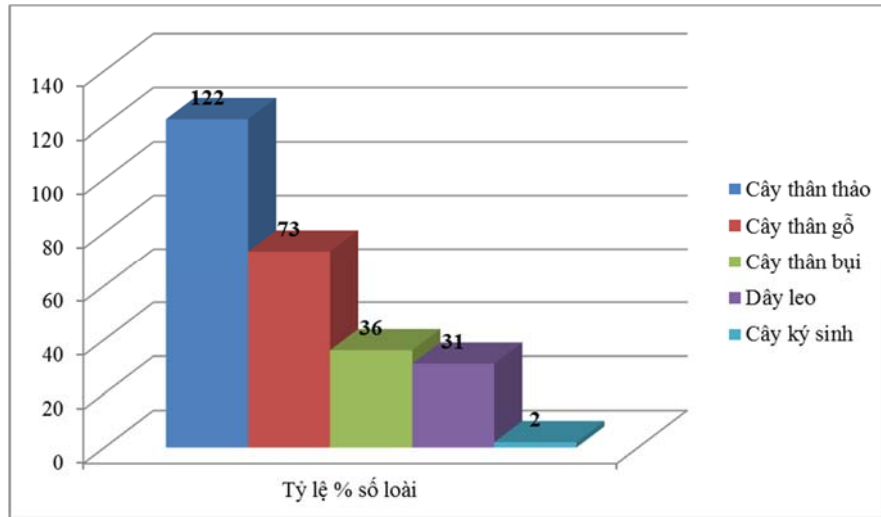
Kết quả từ Hình 1 cho thấy phân lớp Hoa hồng (Rosidae) có số lượng taxon ở các bậc là đa dạng nhất và chiếm ưu thế nhất, xếp thứ hai là phân lớp Hoa môi (Lamiidae), thứ ba là phân lớp Sô (Dilleniidae), thứ tư là phân lớp Cúc (Asteridae), thứ năm là phân lớp Cẩm chướng (Caryophyllidae), thứ sáu là phân lớp Ngọc lan (Magnoliidae) và kém đa dạng nhất là phân lớp Mao lương (Ranunculidae).

Trong số 264 loài thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ghi nhận được 162 loài mọc hoang tự nhiên và 102 loài được trồng (cây nông nghiệp, cây cảnh), tạo nên hệ sinh thái đa dạng và đặc trưng của vùng Đồng Tháp Mười, góp phần quan trọng

trong việc hình thành các kiểu thảm thực vật tiêu biểu cho vùng đất ngập nước ở Đồng bằng sông Cửu Long, tham gia trực tiếp vào việc điều hòa khí hậu, cân bằng sinh thái, xử lý nguồn nước ô nhiễm, chống xói lở, chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng và đặc biệt là đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho địa phương qua phát triển du lịch sinh thái.

3.2 Đa dạng về dạng thân

Thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở Khu di tích Xẻo Quýt có 5 dạng thân chính: Cây thân gỗ, cây thân thảo, cây thân bụi, dây leo và cây ký sinh, số liệu ghi nhận được trình bày ở Hình 2.



Hình 2: Tỷ lệ dạng thân các loài Thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở Khu di tích Xẻo Quýt

Hình 2 cho thấy dạng thân có nhiều loài nhất, chiếm ưu thế nhất là dạng cây thân thảo chiếm 46,21%, trong đó có 82 loài thảo một năm (31,06%), 20 loài thảo nhiều năm (7,575%) và 20 loài thảo thủy sinh (7,575%); kế đến là dạng cây thân gỗ chiếm 27,65% với 70 gỗ đứng (26,51%), 3 gỗ leo (1,14%) và 18 gỗ lớn (6,82%), 23 gỗ trung (8,71%), 32 gỗ nhỏ (12,12%); thứ ba dạng cây thân bụi chiếm 13,64%; thứ tư dạng dây leo chiếm 11,74% và cuối cùng là dạng cây ký sinh với 0,76%.

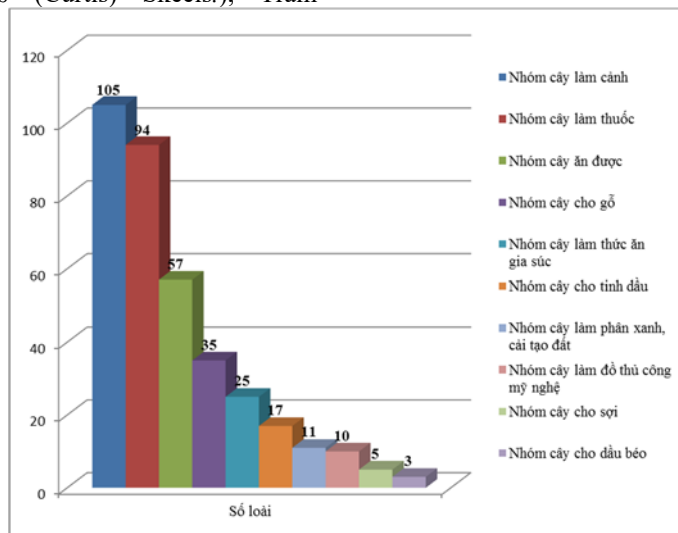
Trong đó, 2 loài thực vật ký sinh là Tơ hồng nam (*Cuscuta australis* R. Br.) và Tầm gửi (*Scurrula parasitica* L.) đang sinh trưởng mạnh trên các cây thân gỗ nơi đây như Gừa (*Ficus microcarpa* L.f.), Gáo vàng (*Nauclea orientalis* (L.) L.), Bàng lằng (*Lagerstroemia speciosa* (L.) Pers.), Tràm liễu (*Callistemon citrinus* (Curtis) Skeels.), Tràm

(*Melaleuca leucadendra* L.), Bình bát (*Annona glabra* L.), Bàng (*Terminalia catappa* L.)... Tơ hồng nam và Tầm gửi ngày càng lấn át và cản trở sự phát triển tự nhiên của các cây thân gỗ này.

3.3 Đa dạng về giá trị tài nguyên thực vật

3.3.1 Đa dạng về giá trị sử dụng

Trên cơ sở bảng danh lục thành phần loài thực vật được xác định dựa vào các tài liệu: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Đỗ Tất Lợi (2004); Cây cỏ có ích ở Việt Nam, tập 1, 2, Võ Văn Chi và Trần Hợp (2001 - 2002); Từ điển thực vật thông dụng, tập 1, 2, Võ Văn Chi (2003 - 2004); Danh lục cây thuốc Việt Nam, Viện Dược Liệu (2016) và phỏng vấn nhanh người dân, nghiên cứu đã thống kê được 10 nhóm công dụng, kết quả được trình bày trong Hình 3.



Hình 3: Tỷ lệ công dụng của Thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở Khu di tích Xẻo Quýt

Hình 3 cho thấy, nhóm cây làm cảnh chiếm tỷ lệ cao nhất (39,77%) gồm những đại diện thuộc các họ Súng (Nymphaeaceae), Sen (Nelumbonaceae), Trúc đào (Apocynaceae), Cúc (Asteraceae), Hoa giấy (Nyctaginaceae), Đậu (Fabaceae), Cà phê (Rubiaceae), Dâu tằm (Moraceae), Bìm bìm (Convolvulaceae)...; tiếp đến là nhóm cây làm thuốc (35,61%) với các loài cây thuốc quen thuộc như Mần mần tím (*Cleome chelidonii* L.f.), Ké hoa đào (*Urena lobata* L.), Nhàu (*Morinda citrifolia* L.), Nhân lồng (*Passiflora foetida* L.), Thuộc giòi (*Poujoljia jeylanica* (L.) Benn.), Lục lạc (*Crotalaria pallida* Aiton), Lá lốt (*Piper lolot* C. DC), Chua me đất (*Oxalis corniculata* L.), Cỏ lá xoài (*Strachium sparganophorum* (L.) O. Ktze), Cỏ mực (*Eclipta prostrata* (L.) L.), Rau đắng đất (*Glinus oppositifolius* (L.) DC.)...; nhóm cây ăn được (21,59%), gồm Lá lốt, Thuộc giòi, Nhân lồng, Rau má (*Centella asiatica* (L.) Urb.), Dền com (*Amaranthus lividus* L.), Rau dệu (*Alternanthera sessilis* (L.) A. DC.), Càng cua (*Peperomia leptostachya* Hook. et Arn.), Rau muống (*Ipomoea aquatica* Forsk), Diên điển (*Sesbania paludosa* (Roxb.) Prain.), Súng đỏ (*Nymphaea rubra* Roxb. ex Salisb.), Súng ma (*Nymphaea nouchali* Burm. f.), Xoài (*Mangifera indica* L.), Bình bát (*Annona glabra* L.), Mận (*Syzygium samarangense* (Blume) Merr. et Perry), Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz.), Mít tô nữ (*Artocarpus integer* (Thunb.) Merr.), Mít (*Artocarpus heterophyllus* Lamk.), Ôi (*Psidium guajava* L.), Trâm (*Syzygium cuminii* (L.) Skeels)...; nhóm cây cho gỗ (13,26%) gồm các cây: Trâm (*Melaleuca leucadendra* L.), Bạch đàn (*Eucalyptus camaldulensis* Dehn.), Dầu nước (*Dipterocarpus alatus* Roxb.), Sao đen (*Hopea odorata* Roxb.), Keo tai tượng (*Acacia mangium*

Willd.), Cồng (*Samanea saman* Jacq.), Mù u (*Callophyllum inophyllum* L.), Bằng lăng nước (*Lagerstroemia speciosa* (L.) Pers.), Trâm (*Syzygium cuminii* (L.) Skeels), Gáo vàng (*Nauclea orientalis* (L.) L.), Xà cừ (*Khaya senegalensis* A. Juss.), Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz.), Trâm bầu (*Combretum parviflorum* Rich)...; các nhóm cây còn lại chiếm tỷ lệ không cao.

Trong số đó thống kê được 86 loài có từ hai công dụng trở lên (chiếm 32,58%) như: Cà na, Mù u, Trâm, Bằng lăng nước, Trâm, Xoài, Diên điển, Lá lốt, Thuộc giòi, Rau má, Nhân lồng, Súng đỏ, Sen hồng (*Nelumbo nucifera* Gaertn.)...

Đặc biệt, có 2 loài thực vật độc mọc hoang khắp nơi [Ngái (*Ficus hispida* L. f.), Cà dại hoa trắng (*Solanum torvum* Swartz.)] và 2 loài cây có độc được trồng làm cảnh [Huỳnh anh (*Allamanda cathartica* L.) và Dầu lai sen hay Ngô đồng (*Jatropha podagrica* Hool)] cần được chú ý tiêu diệt, loại bỏ để phòng tránh nguy hiểm cho mọi người khi đến với Khu di tích.

3.3.2 Giá trị nguồn gen quý hiếm

Trong tổng số 264 loài thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) được ghi nhận ở Khu di tích Xẻo Quýt, 2 loài cần được bảo vệ và nhân giống để bảo tồn nguồn gen, đó là Cà na (*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz) được xếp vào danh mục loài cần được bảo tồn ở cấp độ “Sẽ nguy cấp - VU” theo Sách đỏ Việt Nam (2007) - loài bị khai thác nhiều để lấy quả ăn, làm mứt, ô mai, lấy gỗ sử dụng và Mù u (*Callophyllum inophyllum* L.) ở cấp độ “Ít nguy cấp - LR” có tên trong Sách đỏ Thế giới IUCN (Stevens, 2012) - loài bị khai thác nhiều để lấy dầu mù u, lấy gỗ sử dụng.



Hình 4: Cà na
(*Elaeocarpus hygrophilus* Kurz)



Hình 5: Mù u
(*Callophyllum inophyllum* L.)

3.4 Đánh giá thực vật ngoại lai xâm hại

Dựa vào Danh mục các loài ngoại lai xâm hại được ban hành bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2013), nghiên cứu xác định được 6 loài thực vật ngoại lai là Mai dương (*Mimosa pigra* L.), Trinh nữ móc (*Mimosa diplotricha* C. Wright ex Sauvalle), Trâm ôi (*Lantana camara* L.), Cỏ lào (*Chromolaena odorata* (L.) R. King et H. Robins), Cỏ hôi (*Ageratum conyzoides* L.) và Cúc xuyên chi (*Wedelia trilobata* (L.) Hitch), trong đó, 4 loài được xếp vào danh mục những loài thực vật ngoại lai xâm hại có quy mô lớn là Mai dương, Trinh nữ móc, Trâm ôi, Cỏ lào; 2 loài Cỏ hôi và Cúc xuyên chi được xếp vào danh mục những loài có nguy cơ xâm hại. Hiện nay, những loài này là mối đe dọa cho các hệ sinh thái đất ngập nước nói riêng, môi trường sinh thái nói chung nên cần quan tâm tiêu diệt và phòng trừ trước khi chúng bùng phát mạnh, xâm hại hệ thực vật như nhiều nơi khác.



Hình 6: Mai dương
(*Mimosa pigra* L.)



Hình 7: Trinh nữ móc
(*Mimosa diplotricha* C. Wright ex Sauvalle)



Hình 8: Trâm ôi
(*Lantana camara* L.)

Đặc biệt, cây Trâm ôi và Cúc xuyên chi đã và đang được trồng làm cảnh nơi đây, 2 loài này dễ dàng thích nghi với môi trường sống, đã sinh trưởng, phát triển, mở rộng khu phân bố rất nhanh, đồng thời

chúng gây cản trở nghiêm trọng đến sự tái sinh tự nhiên của nhiều loài thực vật khác nên Khu di tích Xẻo Quýt, nên cần có biện pháp quản lý chặt chẽ và cần nhắc có tiếp tục sử dụng chúng làm cây cảnh hay loại trừ 2 loài thực vật ngoại lai này.



Hình 9: Cỏ lào
(*Chromolaena odorata* (L.) R. King et H. Robins)



Hình 10: Cỏ hôi
(*Ageratum conyzoides* L.)



Hình 11: Cúc xuyên chi
(*Wedelia trilobata* (L.) Hitch)

3.5 Những loài thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) bổ sung cho Danh lục thành phần loài thực vật Khu di tích Xẻo Quýt

So sánh với số lượng 170 loài thực vật, trong đó có 104 loài thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở Khu di tích Xẻo Quýt do Phân Viện Điều tra Quy hoạch Rừng II đã điều tra năm 1999, kết quả nghiên

cứu này đã cho thấy có 104 loài trùng khớp với số liệu năm 1999, đồng thời phát hiện và bổ sung 160 loài thực vật lớp Ngọc lan (với 100 loài được trồng, 60 loài mọc tự nhiên) chưa có trong danh lục thành phần loài nơi đây.

Trước những tác động của biến đổi khí hậu đã làm xuất hiện tự nhiên 3 loài thực vật ngoại lai [Mai

duong (*Mimosa pigra* L.), Trinh nữ móc (*Mimosa diplotricha* C. Wright ex Sauvalle), Cỏ lào (*Chromolaena odorata* (L.) R. King et H. Robins)]; 2 loài thực vật có độc [Ngái (*Ficus hispida* L. f.), Cà dại hoa trắng (*Solanum torvum* Swartz.)] và xuất hiện do con người trồng làm cảnh 2 loài ngoại lai

[Trâm ổi (*Lantana camara* L.), Cúc xuyên chi (*Wedelia trilobata* (L.) Hitch)], 2 loài có độc [Huỳnh anh (*Allamanda cathartica* L.), Dầu lai sen (*Jatropha podagrica* Hool)] trong 160 loài mới bổ sung cần được lưu ý, quan tâm diệt trừ.

Bảng 2: So sánh số lượng loài trong các họ thực vật xác định năm 2018 và năm 1999

STT	Tên họ thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	Số loài xác định năm 2018	Số loài đã công bố năm 1999	Số loài mới xác định năm 2018 không có trong danh lục năm 1999
1	Súng (Nymphaeaceae)	9	2	7
2	Rong đuôi chó (Ceratophyllaceae)	1	0	1
3	Nà (Annonaceae)	3	2	1
4	Hồ Tiêu (Piperaceae)	3	1	2
5	Sen (Nelumbonaceae)	3	1	2
6	Hoa giấy (Nyctaginaceae)	7	1	6
7	Rau dấp đất (Aizoaceae)	1	1	0
8	Rau sam (Portulacaceae)	1	0	1
9	Xương rồng (Cactaceae)	1	0	1
10	Rau dền (Amaranthaceae)	9	3	6
11	Rau răm (Polygonaceae)	4	3	1
12	Bóng nước (Balsaminaceae)	4	1	3
13	Măng cụt (Clusiaceae)	1	1	0
14	Hoàng mai (Ochnaceae)	2	0	2
15	Lộc vừng (Lecythidaceae)	1	1	0
16	Styracaceae	1	1	0
17	Mùng quôn (Flacourtiaceae)	1	1	0
18	Lạc tiên (Passifloraceae)	1	1	0
19	Côm (Elaeocarpaceae)	2	1	1
20	Bầu bí (Cucurbitaceae)	6	2	4
21	Màn màn (Capparaceae)	1	1	0
22	Đay (Tiliaceae)	1	1	0
23	Dầu (Dipterocarpaceae)	2	0	2
24	Trôm (Sterculiaceae)	1	1	0
25	Gạo (Bombacaceae)	1	1	0
26	Bông (Malvaceae)	9	2	7
27	Dâu tằm (Moraceae)	11	3	8
28	Gai (Urticaceae)	2	1	1
29	Diệp hạ châu (Phyllanthaceae)	3	2	1
30	Thâu dầu (Euphorbiaceae)	11	7	4
31	Thuốc bỏng (Crassulaceae)	4	0	4
32	Nho (Vitaceae)	1	1	0
33	Hoa hồng (Rosaceae)	6	0	6
34	Bàng (Combretaceae)	4	3	1
35	Mua (Melastomataceae)	1	1	0
36	Bằng lăng / Tử vi (Lythraceae)	3	2	1
37	Rau muống (Onagraceae)	3	2	1
38	Sim (Myrtaceae)	7	3	4
39	Đậu (Fabaceae)	24	10	14
40	Chua me đất (Oxalidaceae)	2	0	2
41	Bồ hòn (Sapindaceae)	2	1	1
42	Cam (Rutaceae)	4	2	2
43	Xoan (Meliaceae)	1	0	1

STT	Tên họ thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	Số loài xác định năm 2018	Số loài đã công bố năm 1999	Số loài mới xác định năm 2018 không có trong danh lục năm 1999
44	Xoài (Anacardiaceae)	1	1	0
45	Đước (Rhizophoraceae)	1	1	0
46	Sơ ri (Malpighiaceae)	2	0	2
47	Tầm gửi (Loranthaceae)	1	1	0
48	Táo ta (Rhamnaceae)	1	1	0
49	Hoa tán (Apiaceae)	2	1	1
50	Thủy nữ (Menyanthaceae)	1	1	0
51	Cúc (Asteraceae)	24	10	14
52	Cà phê (Rubiaceae)	14	5	9
53	Trúc đào (Apocynaceae)	12	1	11
54	Cà (Solanaceae)	4	0	4
55	Bìm bìm (Convolvulaceae)	8	5	3
56	Tơ hồng (Cuscutaceae)	1	1	0
57	Vòi voi (Boraginaceae)	2	1	1
58	Hoa mõm sói (Scrophulariaceae)	4	3	1
59	Núc nác (Bignoniaceae)	1	0	1
60	Tai voi (Gesneriaceae)	1	0	1
61	Mã đề (Plantaginaceae)	3	0	3
62	Ô rô (Acanthaceae)	9	3	6
63	Rong ly (Lentibulariaceae)	1	1	0
64	Cỏ roi ngựa (Verbenaceae)	5	1	4
65	Hoa môi (Lamiaceae)	1	0	1
Tổng	264	104	160	

3.6 Đa dạng về sự phân bố của thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở Khu di tích Xẻo Quýt

3.6.1 Sự phân bố theo sinh cảnh

Số liệu ghi nhận ở Bảng 3 cho thấy, sinh cảnh Đô nhân tạo có thành phần loài thực vật đa dạng nhất với 82 loài cây nông nghiệp, cây cảnh... được trồng như Mít, Mít tố nữ, Xoài, Trâm ôi, Cúc xuyên chi, Khê (*Averrhoa carambola* L.), Sơ ri (*Malpighia glabra* L.), Mãng cầu xiêm (*Annona muricata* L.), Đậu xanh (*Vigna radiata* (L.) R. Wilczek., Đậu bắp (*Abelmoschus esculentus* (L.) Moench.), Cà tím (*Solanum melongena* L.), Khoai lang (*Ipomoea batatas* (L.) Lamk), Dưa gang (*Cucumis sativus* var. *conomon* (Thunb.) Mak.), Gấc (*Momordica cochinchinensis* (Lour.) Spreng), Trầu không (*Piper betle* L.), Dâm bụt (*Hibiscus rosa - sinensis* L.), Dâm bụt kép (*Hibiscus syriacus* L.), các loài Hoa giấy (chi *Bougainvillea*)... và 126 loài thực vật tự nhiên gồm Lá lốt, Mần mần tím, Nhân lồng, Dền com, Rau dệu, Rau má, Rau muống, Cam thảo đất (*Scoparia dulcis* L.), các loài Lữ đàng (chi *Lindernia*), các loài Lữ đòng (chi *Hedyotis*), các loài Cỏ sữa (chi *Euphorbia*), Phèn đen (*Phyllanthus reticulatus* Poir.), Nhàu tán (*Morinda citrifolia* L.), Bông nõn (*Flueggea virosa* (Roxb. ex Willd) Voigt), Mua (*Melastoma affine* D. Don), Bỏ đại (*Boerhavia*

diffusa L.), Búp vang (*Abelmoschus moschatus* Modic.), Bìm nước (*Aniseia martinicensis* (Jacq.) Choisy)...; sinh cảnh Khu làm việc, dịch vụ, công viên xếp thứ hai với 90 loài cây được trồng làm cảnh, cây ăn được (Trâm ôi, Cúc xuyên chi, Mai vàng (*Ochna integerrima* (Lour.) Merr.), Mai tứ quý (*Ochna atropurpurea* DC.), Cẩm tú mai (*Cuphea hyssopifolia* Kunth), Mai chiếu thủy (*Wrightia religiosa* (Teijsm. et Binn.) Hook. f.), Dừa cạn (*Catharanthus roseus* (L.) G. Don.), Huỳnh anh (*Allamanda cathartica* L.), Ngọc nữ vàng (*Clerodendrum gaudichaudii* P. Dop.), Chuối ngọc (*Duranta erecta* L.), Hòa hoàng (*Crossandra undulaefolia* Salisb.), Hoa chuông vàng (*Tecoma stans* (L.) H. B. K.), các loài Bướm bạc (chi *Mussaenda*), các loài hoa Mào gà (chi *Celosia*), các loài Súng (chi *Nymphaea*)... và 99 loài cây mọc hoang dại [Rau muống, Rau đắng đất, Lá lốt, Thuộc giòi, Nhân lồng, Cỏ mực, Bọ xít (*Synedrella nodiflora* (L.) Gaertn.), Bạch đầu ông (*Vernonia cineria* (L.) Less.), Bìm bìm (*Ipomoea chryseide* (Kerr.) Ham.), Hắc sủu (*Merremia hederacea* (Burm. f.) Hallier f.), Cáp điền bò (*Coldenia procumbens* L.), Vòi voi (*Heliotropium indium* L.), Trái nõn (*Ruellia tuberosa* L.), Nam sâm (*Boerhavia diffusa* L.)...].

Bảng 3: Sự phân bố của thực vật theo sinh cảnh

STT	Sinh cảnh	Số lượng loài	Tỷ lệ %
1	Đê nhân tạo	208	78,79
2	Khu làm việc, dịch vụ, công viên	189	71,59
3	Rừng tự nhiên hỗn loài Tràm, Gáo vàng, Trâm bầu	102	38,64
4	Rừng trồng hỗn loài Tre (chi <i>Bambusa</i>), Gáo vàng	97	36,74
5	Rừng Tràm	86	32,58
6	Đồng cỏ Năng (<i>Eleocharis dulcis</i> (Burm.f.) Hensch.)	14	5,30
7	Đồng Lác hén (<i>Scirpus grossus</i> L.f.)	13	4,92
8	Đồng Sen	12	4,55
9	Đồng Sậy (<i>Phragmites vallatoria</i> (L.) Veldk.)	12	4,55
10	Đồng Đưng (<i>Scleria poaeformis</i> Retz.)	11	4,17

Các sinh cảnh còn lại chiếm tỷ lệ thấp hơn, chủ yếu các loài mọc hoang tự nhiên như: Bìm nấp (*Ipomoea turperthum* B. Br), Thù lù (*Physalis angulata* L.), Thủi đật (*Paederia consimilis* Pierre), Cỏ lào (*Chromolaena odorata* (L.) R. King et H. Rob.), Cỏ chua lè (*Emilia sonchifolia* (L.) DC.), Ké đầu ngựa (*Xanthium strumarium* L.), É lớn đầu (*Hyptis rhomboidea* Mart. et Gal), Lá diển (*Dicliptera chinensis* (L.) Nees.), Thanh táo (*Justica gendarussa* L.), Tước sảng (*Justica procumbens* L.), Muồng trâu (*Cassia alata* L.)...

3.6.2 Sự phân bố theo mùa

Kết quả nghiên cứu ghi nhận được 103 loài thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở khu vực đất ngập nước tự nhiên theo mùa trong Khu di tích Xẻo Quýt và có sự biến động khá lớn về thành phần loài giữa mùa lũ (từ tháng 7 đến tháng 11) và mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau).

Vào mùa lũ hay mùa nước nổi trùng với mùa mưa (tháng 6 đến tháng 11), mực nước ngập sâu, số loài thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) giảm đi một cách rõ rệt, trong đó, 60 loài đã chết đi (chủ yếu là các thảo một năm hay nhiều năm không có thân rễ) nhưng cũng có 43 loài sống qua được lũ, chủ yếu là cây thân gỗ, cây thân bụi chịu nước và cây thủy sinh như: Tràm, Gáo vàng, Bạch đàn, Trâm, Trâm bầu, Bình bát, Mai dương, Điên điển, Rau muống, Rau muống (*Ludwigia hyssopifolia* (G. Don) Excell.), Rau dừ nước (*Ludwigia adscendens* (L.) Hara.), Súng ma (*Nymphaea nouchali* Burm. f.), Kim ngư (*Ceratophyllum demersum* L.), Nhĩ cán vàng (*Utricularia aurea* Lour.), Rau trảng (*Nymphoides indicum* (L.) Kuntze)...

Sau khi lũ rút hẳn và đất trở nên khô ráo, các thực vật chết đi trong lũ trước đó như: Càng cua, Lá lốt, Mần mần tím, Thuốc giòi, Cỏ lá xoài, Cỏ mực, Rau đắng đất, Rau dệu, Rau má, Rau cóc (*Grangea maderaspatana* (L.) Poir.), Chân vịt (*Sphaeranthus indicus* L.), Bọ xít (*Synedrella nodiflora* (L.) Gaertn.), Lá diển (*Dicliptera chinensis* (L.) Nees.), Lũ đồng (*Hedyotis heynei* R. Br. ex Wight et Arn.)...

sinh trưởng, phát triển mạnh trở lại nhờ hạt nằm trong đất.

4 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thực vật lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) ở Khu di tích Xẻo Quýt, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có 264 loài thuộc 176 chi, 65 họ, 37 bộ, 7 phân lớp, trong đó có 10 nhóm cây theo công dụng với 105 loài cây làm cảnh, 94 loài cây làm thuốc, 57 loài cây ăn được... và 86 loài cây có từ hai công dụng trở lên.

160 loài thực vật được bổ sung vào danh lục thành phần loài nơi đây khi so sánh với kết quả điều tra năm 1999.

Trong các phân lớp thì phân lớp Hoa hồng (Rosidae), số lượng taxon ở các bậc là đa dạng nhất và chiếm ưu thế nhất với 12 bộ, 18 họ, 47 chi, 69 loài, phân lớp Mao lương (Ranunculidae) là kém đa dạng nhất với 1 bộ, 1 họ, 1 chi, 3 loài.

Trong tổng số 264 loài thực vật nơi đây, nghiên cứu đã xác định được 2 loài thực vật có giá trị bảo tồn và 6 loài thực vật ngoại lai xâm hại.

Các loài thực vật phân bố trong 10 sinh cảnh khác nhau nhưng đa dạng nhất là sinh cảnh Đê nhân tạo với 208 loài chiếm 78,79% tổng số loài.

Ở khu vực đất ngập nước tự nhiên theo mùa có sự phân bố thành phần loài rất khác nhau, mùa khô có số lượng loài (103 loài) nhiều hơn mùa lũ (43 loài). Các thực vật thân thảo, một số ít cây thân bụi và dây leo thường giảm đi rất nhiều trong mùa lũ, trong khi đó dạng cây thân gỗ, cây thân bụi chịu nước không có biến động.

Để bảo tồn và phát triển bền vững hệ thực vật Khu di tích Xẻo Quýt, nghiên cứu đã đề ra một số kiến nghị như:

- Ưu tiên bảo tồn và nhân giống 2 loài thực vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007) và Sách đỏ Thế giới IUCN (2012);
- Ban quản lý Khu di tích Xẻo Quýt cần có những biện pháp tác động hiệu quả để tiêu diệt,

phòng trừ 2 loài thực vật ký sinh, 6 loài thực vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại khu hệ thực vật và 4 loài thực vật có độc để phòng tránh hiểm nguy, giữ gìn sinh cảnh tự nhiên và bảo vệ sự phát triển bền vững nơi đây;

– Bảo vệ nghiêm ngặt, phòng chống cháy rừng hiệu quả vào mùa khô khi lượng lớn xác khô của nhiều loài thực vật chết đi trong mùa lũ cùng với vô tràm là rất dễ bén lửa gây cháy rừng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách đỏ Việt Nam, Phần II: Thực vật, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 611 trang.

Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2013. Thông tư liên tịch số 27/2013/TTLT-BTNMT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2013 về việc quy định tiêu chí xác định loài ngoại lai xâm hại và ban hành danh mục loài ngoại lai xâm hại, 3 trang nội dung & 3 trang Phụ lục.

Đỗ Tất Lợi, 2004. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB. Y Học, Hà Nội, 1274 trang.

Nguyễn Nghĩa Thìn, 2008. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 165 trang.

Phạm Hoàng Hộ, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam, quyển 1, 2, 3, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 991 trang & 951 trang & 1020 trang.

Phân Viện Điều tra Quy hoạch Rừng II, 1999. Điều tra sự đa dạng sinh học của Khu di tích lịch sử - văn hóa Xẻo Quýt, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Báo cáo kết quả thực hiện đề tài, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Tỉnh Đồng Tháp, 72 trang.

Stevens, P.F., 2012. Calophyllum inophyllum. The IUCN Red List of Threatened Species 2012.

Takhtajan, A., 2009. Flowering Plants, Second Edition. Springer, 917 trang.

Viện Dược Liệu, 2016. Danh lục cây thuốc Việt Nam, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1191 trang.

Võ Văn Chi và Trần Hợp, 2001-2002. Cây cỏ có ích ở Việt Nam, tập 1-2, NXB Giáo dục, 817 trang & 1216 trang.

Võ Văn Chi, 2003-2004. Từ điển thực vật thông dụng, tập 1, 2, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1250 trang & 1447 trang.

Võ Văn Chi, 2007. Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam, NXB Giáo dục, 891 trang.